

## HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ CỦA NHÓM TRÍ THỨC CÔNG GIÁO CẤP TIẾN TẠI MIỀN NAM TRƯỚC NĂM 1975

**Tóm tắt:** Bài viết này nhằm mục đích khảo cứu lại những hoạt động chính trị của một nhóm trí thức Công giáo được dư luận thời sự của miền Nam Việt Nam khi đó gọi với cái tên khác nhau như: “cấp tiến”, “khuyh tả”, “thân Cộng”, “ngụy hòa”... Nhìn chung, cách gọi tùy thuộc vào sự thiện cảm của người gọi với nhóm. Dù danh xưng thế nào thì hoạt động của những người này cũng đã tạo ra những tác động tới Giáo hội và chính quyền Cộng hòa miền Nam. Khuyh hướng mà những người Công giáo này theo đuổi là tìm kiếm một giải pháp hòa bình, tiến tới chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Điểm đáng lưu ý là xu hướng chính trị của nhóm này không phải xuất phát từ những lập trường của các đảng phái chính trị miền Nam lúc đó, mà dựa theo tinh thần canh tân đổi mới của Công đồng Vatican II. Dù là thiểu số trong lòng Giáo hội, nhưng rõ ràng hoạt động đó đã mở ra những tiền đề cho việc Giáo hội Công giáo Việt Nam canh tân, hòa giải, đồng hành cùng dân tộc sau sự kiện 30/4/1975. Từ các nguồn tài liệu lưu trữ, tài liệu hồi ký và bằng cách tiếp cận Sử học tôn giáo, bài viết sẽ cho người đọc thấy những chi tiết thú vị về động cơ cũng như những trở ngại từ nhiều phía khi nhóm Công giáo cấp tiến này tham gia hoạt động sau cuộc đảo chính năm 1963 và đặc biệt là giai đoạn Đệ nhị Cộng hòa 1967-1975.

**Từ khóa:** Công giáo; chính trị; miền Nam; Việt Nam; 1967-1975.

---

\* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.  
Bài viết là sản phẩm của Đề tài cấp Bộ niên khóa 2021-2022: *Người Công giáo Việt Nam giai đoạn 1954-1975* do TS. Ngô Quốc Đông làm chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Tôn giáo là cơ quan chủ trì.  
Ngày nhận bài: 14/7/2022; Ngày biên tập: 15/8/2022; Duyệt đăng: 30/8/2022.

### **Dẫn nhập**

Nhóm trí thức Công giáo cấp tiến tuy là thiểu số trong lòng Giáo hội nhưng có ảnh hưởng sâu rộng trong phong trào chính trị của Công giáo miền Nam. Sự ảnh hưởng của họ vượt ra khỏi khuôn khổ nhỏ bé của nhóm là nhờ vào khả năng vận dụng báo chí để tạo dư luận và bày tỏ lập trường cũng như làm phương tiện hữu hiệu cho các hoạt động chính trị. Theo nhận định của Tổng nha Cảnh sát Quốc gia Sài Gòn thì “nhóm người này chỉ là một thiểu số có thể đếm trên đầu ngón tay, nhưng hoạt động của họ lại ảnh hưởng rất lớn đối với dân chúng” [Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Hồ sơ: 31056]. Thành phần của nhóm trí thức Công giáo cấp tiến gồm có một số linh mục trẻ và một số giáo dân Công giáo có trình độ và được học hành bài bản. Theo danh sách của Tổng nha Cảnh sát báo cáo với Bộ Nội vụ của chính quyền miền Nam cho biết danh sách mười một linh mục trẻ trong nhóm này, gồm: Nguyễn Ngọc Lan, Đinh Khắc Tiệp, Trương Đình Hòe, Hoàng Kim, Nguyễn Thăng Cao, Trương Bá Càn, Trần Việt Thọ, Đỗ Xuân Quế, Hồ Đình, Vũ Văn Thiện, Nguyễn Thế Kỳ. Các trí thức Công giáo khác trong nhóm gồm giáo sư Lý Chánh Trung, giáo sư Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Đình Đầu và Anh Tôn Trang [TTLTQG II, HS: 4134]. Ngoài mười một linh mục, nhóm có khoảng hơn một trăm trí thức thường xuyên hoạt động và lộ diện trực tiếp. Nhóm này cũng có những liên hệ với một số linh mục người Việt ở hải ngoại có thiện cảm với Cộng sản và luôn muốn tái lập một nền hòa bình thực sự cho Việt Nam như Linh mục Nguyễn Đình Thi, Linh mục Trần Tam Tĩnh, giáo sư Trần Văn Toàn. Bản thân các linh mục và giáo dân trong nhóm trí thức Công giáo cấp tiến này phần lớn có nguồn gốc du học tại châu Âu, chủ yếu tại Cộng hòa Pháp. Một tài liệu phỏng vấn trên tuần báo *Đời* đưa ra ý kiến là: phần lớn những những linh mục thích hoạt động chính trị ở miền Nam đều có khuynh hướng thiên tả, tức theo xu hướng cải cách, cấp tiến, bởi họ chịu sự ảnh hưởng của nền văn hóa phương Tây nơi họ được đào tạo [TTLTQG II, HS: 3533]. Tuy nhiên các tài liệu khác nhau cho thấy nhóm trí thức Công giáo cấp tiến trong thực tế không chỉ giới hạn trong danh sách mười một người như Tổng nha Cảnh sát Sài Gòn đã báo cáo với Bộ Nội vụ mà

từ nhóm này còn ảnh hưởng rộng ra những linh mục và giáo dân Công giáo khác cùng tư tưởng cấp tiến.

Sự hình thành nhóm trí thức Công giáo cấp tiến này được xem như là một sự chuyển hóa trong nội bộ cộng đồng những người Công giáo sống ở miền Nam kể từ Công đồng Vatican II. Sự chuyển hóa này như là một xu hướng canh tân xuất hiện trong lòng một Giáo hội mà theo như nhận xét của một nhà nghiên cứu cũng là người trong cuộc là: “bảo thủ, mang sắc thái một giáo hội Công giáo thời Trung cổ, đầy tính phô trương và chưa có triệu chứng nào về một sự chuyển biến muốn thoát ra vòng cương tỏa của chủ nghĩa Tư bản” [Trương Bá Càn, 2008: 48]. Trong lúc một xã hội Công giáo vẫn vận hành theo một truyền thống như vậy đang tồn tại và hoạt động ở Việt Nam thì Công đồng Vatican II đã họp. Những chỉ dẫn từ Công đồng Vatican II đem đến nhiều hy vọng cho người Công giáo Việt Nam về một đường hướng chỉ đạo Giáo hội đi vào hoạt động có tính chất chiều sâu và bớt các ồn ào chính trị hơn. Công đồng Vatican II có nhiều đổi mới. Riêng về mặt chính trị, đặc biệt trong ứng xử của người Công giáo với người Cộng sản, ở đó đã đặt ra vấn đề hòa bình và đối thoại với những người không tin. Tất nhiên việc đối thoại với “những người không tin” là hàm ý đối thoại cả với những người Cộng sản. Linh mục Trương Bá Càn, một linh mục có bằng Tiến sĩ Sử học tại Pháp từng làm mười một năm Tuyên úy Thanh Lao Công tại Sài Gòn và toàn miền đã nhận định về những người Công giáo cấp tiến (ông gọi là tiến bộ) như sau: “Những người Công giáo tiến bộ (catholiques progressistes) là những người Công giáo nghĩ khác hay nghĩ trước, đi trước số đông, và thường nghĩ đúng, đi đúng, nhưng luôn luôn bị nghi ngờ, bị cô lập, bị tẩy chay, thậm chí bị Giáo hội kỷ luật... ở Việt Nam, có lẽ Công giáo chưa bén rễ đủ sâu, nên có thể chưa Việt Nam được với người Việt Nam; vì thế chưa thấy có một người Việt Nam Công giáo nào suy nghĩ khác hay suy nghĩ trước số đông về mặt tư tưởng, thần học. Còn về ý thức chính trị, xã hội thì có lẽ Công giáo Việt Nam không bao giờ thiếu” [Trương Bá Càn, 2008: 48].

Quả thực những luận điểm mới của huấn quyền từ Công đồng Vatican II như một luồng gió mới thổi vào Công giáo miền Nam.

Những tư tưởng canh tân của Công đồng xảy ra đúng dịp cáo chung của chế độ ông Diệm đã tạo ra cảm hứng trở về nguồn, tìm về dân tộc trong lòng Giáo hội Công giáo miền Nam. Nhà nghiên cứu Nguyễn Nghi, một người trong cuộc của thời kỳ này nhận xét: “Nếu không có sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm, chủ trương trên đây của Vatican II hẳn sẽ khó mà có thể tạo nên sự chuyển biến đáng kể nào. Nhưng nếu không có Vatican II, sự sụp đổ của chế độ Diệm hẳn cũng sẽ chỉ tạo nên một tình trạng hoang mang hay dao động vào trong những biến động chính trị để giành lại những gì đã mất. Dù sao, hai sự kiện xảy ra cùng lúc trên đây quả là một điều kiện thuận lợi để một khuynh hướng có thể tạm gọi là tiến bộ được phát triển trong lòng của Giáo hội Công giáo Sài Gòn” [Nguyễn Nghi, 1997: 68-69].

### **Báo Sóng Đạo và sự hình thành những người Công giáo cấp tiến**

Hoạt động của nhóm trí thức Công giáo cấp tiến được bắt nguồn từ việc thành lập tờ *Sóng Đạo*, ra mắt số đầu tiên vào ngày 24/6/1962, trước khi Công đồng Vatican II họp khai mạc. Trước khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ vào tháng 11/1963, *Sóng Đạo* chỉ bàn về vấn đề tôn giáo, không đăng tin bài về thời sự chính trị và giữ thái độ rất dè dặt với chính quyền. Có thể sự chọn lựa một thái độ thuần túy tôn giáo đã bước đầu bày tỏ lập trường của những người làm báo *Sóng Đạo*. Vì trong chế độ gia đình trị của Ngô Đình Diệm, mọi sự can dự của báo chí đến đường lối chính trị của gia đình họ Ngô dường như không có đất sống cho báo. Bởi vậy dường như báo *Sóng Đạo* không bày tỏ thái độ với chính quyền (kể cả việc khen ngợi) trong một chế độ mà Công giáo được ưu ái cũng chính là một “thái độ thỉnh lặng” có tính chất chính trị. Thời kỳ đầu tiên của báo *Sóng Đạo* gồm những cây bút người Công giáo chủ lực sau: Lý Chánh Trung, Nguyễn Văn Trung, Trần Văn Toàn (cả ba người này là giáo sư Triết học), Trần Hữu Quang, Lê Đức Hạnh, Phan Ngọc Hội, Linh mục Nguyễn Huy Lịch - Tuyên úy sinh viên Sài Gòn, Linh mục Nguyễn Quang Lãm, Tổng Tuyên úy Thanh Lao công, nữ tu Nguyễn Thị Oanh và nữ tu Henriette Servais. Sự hình thành và chủ trương điều hành hoạt động của báo *Sóng Đạo* có vai trò rất lớn của ông Nguyễn Đình Đầu, ông vốn là

người cùng với những người Công giáo khác như Nguyễn Mạnh Hà, Trần Công Chính đã sáng lập và điều hành tổ chức Thanh Lao Công ở Hà Nội trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Ngày 19/01/1964, *Sống Đạo* đình bản vì cạn nguồn tài chính. Đến ngày 01/11/1964, *Sống Đạo* hoạt động lại (tục bản). Trong lần tục bản này, *Sống Đạo* đã tập hợp được những trí thức Công giáo tiên bộ và có một thái độ chính trị rõ nét hơn giai đoạn đầu với những chủ đề mà dư luận công chúng miền Nam lúc đó quan tâm, như: chiến tranh và hòa bình; tôn giáo và chính trị; cách mạng và không cách mạng; lợi dụng, chia rẽ tôn giáo; áp lực của tôn giáo; việc tẩy chay Chính phủ Nguyễn Khánh và ủng hộ Chính phủ Trần Văn Hương... Chính từ việc làm báo *Sống Đạo* “đã vô hình trung xuất hiện một nhóm Công giáo tiên bộ. Một nhóm không được định hình và qua các cuộc đấu tranh vì hòa bình, vì dân chủ, dân sinh đã được sàng lọc và nhân rộng để trở thành một phong trào Công giáo tiên bộ” [Trương Bá Càn, 2008: 52]. Thời kỳ này báo *Sống Đạo* gồm một số cây bút sau: Chủ nhiệm Nguyễn Đức Phong, Ban chủ trương gồm: Trương Bá Càn, Nguyễn Đình Đầu, Trịnh Viết Đức, Đoàn Thanh Liêm, Lê Đức Hạnh, Trương Đình Hòe, Phó Bá Long, Nguyễn Thị Oanh, Nguyễn Đức Phong, Nguyễn Đức Quý, Trần Hữu Quảng, Hương Sơn, Lê Văn Tân, Hoàng Minh Thức, Trần Văn Toàn, Anh Tôn Trang, Nguyễn Đức Trình, Võ Long Triều, Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung [Trương Bá Càn, 2008: 51].

*Sống Đạo* sau lần tục bản, ra được khoảng tám, chín số và bị những nhóm phái khác trong Giáo hội Công giáo tại miền Nam tẩy chay với lý do là mang quan điểm “rối đạo”, “cấp tiến”. Sau đó vào ngày 14/8/1966, *Sống Đạo* tục bản lần hai, ra thêm được khoảng vài chục số báo. Cuối cùng *Sống Đạo* tự dừng hoạt động trong im lặng. Lý do dừng hoạt động theo Linh mục Trương Bá Càn là vì các thành viên làm báo quá bận và tình hình chính trị miền Nam khi đó rất phức tạp, đòi hỏi một sự dấn thân dứt khoát hơn. Sau khoảng một trăm năm mươi số ra mắt nhưng những người chủ trương làm *Sống Đạo* đã đặt ra được vấn đề có tính chất tiên bộ là: Giáo hội Công giáo hãy tìm cho mình một chỗ đứng trong bối cảnh chiến tranh và xáo trộn chính trị. Chỗ đứng đó là hãy xuất phát từ người nghèo, đồng hành với họ trong

những hoàn cảnh. Ngoài ra, nhóm trí thức Công giáo cấp tiến cũng có những bài liên quan đến việc cần xét lại một thái độ chính trị đang vốn rất rầm rộ của người Công giáo ở Sài Gòn sau sự kiện 01/11/1963 và đề xuất cần phải có sự định hướng từ phía Hàng giáo phẩm Công giáo để tránh các tình trạng ồn ào và sai lệch, ảnh hưởng đến Giáo hội.

Nhìn chung đầu thập niên 60 của thế kỷ XX, nhóm trí thức Công giáo đã nhen nhóm hình thành và liên kết với nhau qua làm báo *Sống Đạo*. Dù vậy sự dấn thân và hoạt động của nhóm chỉ thực sự mạnh mẽ, công khai sau khi Công đồng Vatican II kết thúc, đặc biệt là trong thời kỳ Đệ nhị Cộng hòa tại miền Nam Việt Nam những năm 1967-1975.

### **Những người Công giáo cấp tiến bày tỏ quan điểm về hòa bình**

Chiến tranh leo thang ở Việt Nam từ giữa thập niên 60 của thế kỷ trước đã làm cho Giáo hoàng Phaolô VI, một vị Giáo hoàng có tinh thần đổi mới canh tân Giáo hội Công giáo rất lo lắng. Trong bức thư gửi các Giám mục Việt Nam đề ngày 13/02/1965, Giáo hoàng đã nói lên những lo lắng của Ngài và những nỗ lực của Ngài để mưu cầu hòa bình cho thế giới và cho Việt Nam. Giáo hoàng viết: “Chúng tôi đã cố gắng tiếp xúc, một cách kín đáo, với những nhân vật có tính cách đại diện trong các chính phủ, để khẩn khoản xin họ tìm một giải pháp danh dự và ôn hòa, cho các vấn đề khó khăn quốc tế hiện đang làm chúng tôi rất bận tâm. Chúng tôi sẵn lòng với anh em rằng chúng tôi sẽ tiếp tục làm những gì có thể làm được để mưu cầu sự thanh bình cho xứ sở anh em cũng như để cổ vũ hòa bình trên thế giới”. Trong cuộc triều yết ngày 29/11/1965, Giáo hoàng Phaolô VI lại nói với các giám mục Việt Nam: “Về phần ta, ta hằng lo lắng cho quê hương yêu quý của anh em và ta hằng mong ước cùng cầu nguyện để được thấy ngày mà tiếng súng sẽ im lặng và nền hòa bình thực sự sẽ chiếu rọi trên đất Việt Nam, trong niềm hân hoan và hòa hợp dân tộc” [Trương Bá Cần, 2008: 53-54].

Mặc nhiên trước sự lo lắng từ châu Âu xa xôi của Giáo hoàng Phaolô VI, hai chữ “hòa bình” hầu như không được bàn luận, đã động gì trong dư luận chính trị tại miền Nam. Có thể lúc đó mọi người dân miền Nam đều biết chính phủ do Mỹ lập lên ở Sài Gòn vẫn đang không ngừng nỗ lực thúc đẩy chiến tranh lan rộng ra toàn quốc với

mục tiêu là loại trừ Cộng sản ở Việt Nam. Trong bối cảnh như vậy, thật khó có đảng phái, tôn giáo hay tổ chức chính trị nào đề cập tới hai chữ “hòa bình”. Hòa bình dường như là một thuật ngữ bị cấm kỵ thời đó, mặc dù không có một quyết định hành chính nào được ban hành về việc này. Trong tình huống như vậy, cho tới cuối năm 1965, Hàng giáo phẩm Công giáo và đa số giáo dân miền Nam vẫn chưa ra một quyết định dứt khoát trong quan điểm về hòa bình ở Việt Nam cũng là điều dễ hiểu. Dù vậy, trong một xã hội đa dạng, không thuần nhất, vẫn có những phản ứng lại quyết định chính trị của một chế độ. Cụ thể vào tháng 3/1965, những người yêu chuộng hòa bình ngoài giới Công giáo tại miền Nam đã đưa ra một bản “Nghị quyết về hòa bình” với sự ký nhận của 358 chữ ký [Đoàn Thêm, 1965: 47].

Tới cuối năm 1966, Giáo hoàng Phaolô VI gửi đặc phái viên của mình, Giám mục Pignedoli tới Sài Gòn họp với các giám mục Miền Nam từ 30/9 đến 6/10/1966 và kết quả là Hội đồng Giám mục Miền Nam ra Thông cáo ngày 7/10/1966, trong đó có đoạn viết: “Chúng tôi Hàng giáo phẩm Việt Nam họp tại Sài Gòn dưới quyền chủ tọa của Đức đặc sứ Tòa Thánh là Đức Tổng Giám mục Sergio Pignedoli, hoàn toàn hợp ý với Đức Giáo hoàng lập lại lời kêu gọi thiết tha: “Nhân danh Thiên Chúa xin hãy ngừng lại! Hãy gặp nhau, hãy đi đến bàn hội nghị, hãy thành thật thương thuyết. Chính ngay bây giờ hãy giải quyết các mối bất hòa tranh chấp, dẫu phải chịu chút ít thiệt thòi vì thế nào rồi cũng phải hòa giải, nhưng có lẽ với nhiều tai nạn tàn khốc khủng khiếp mà hiện nay không ai lường được. Bởi vậy chúng tôi kêu gọi hết thảy mọi người thành tâm thiện chí hãy cùng chúng tôi nỗ lực đạt tới mục tiêu cao cả ấy. Phần chúng tôi, cương quyết đem hết khả năng và thiện chí đáp ứng lời kêu gọi của Đức Giáo hoàng” [Trương Bá Càn, 2008: 56].

Trong khi công luận và người dân vẫn e ngại với hai từ “hòa bình” thì vào ngày 01/01/1966 một nhóm gồm mười một linh mục là Nguyễn Bình An, Nguyễn Huy Lịch, Thiện Cẩm, Nguyễn Ngọc Lan, Đinh Khắc Tiệu, Nguyễn Hồ Đình, Trương Đình Hòa, Trương Bá Càn, Nguyễn Thiện Toàn, Trần Việt Thọ, Đoàn Thanh Dũng đã ký tên vào bản Tuyên bố “Một số linh mục Việt Nam trước vấn đề hòa bình

của dân tộc”. Nội dung của Tuyên bố kêu gọi hòa bình, ngừng chiến tại Việt Nam dựa trên ba cương vị là dân tộc, nhân loại và tôn giáo [TTLTQG II, HS: 4134]. Bản tuyên bố của “Một số linh mục Việt Nam trước vấn đề hòa bình của dân tộc” được phổ biến, chủ yếu, dưới dạng bốn trang in rời, khổ 13 x 21 cm, tại một số xứ đạo, một số công sở và một số trường học. Không có báo chí nào dám in Tuyên bố của mười một linh mục cấp tiến này vì sợ bị chính quyền “thối còi” ngoại trừ báo *Chính Luận* có in lại Tuyên bố với nhiều phần nội dung nhạy cảm bị lược bỏ. Tuyên bố của “Một số linh mục Việt Nam về vấn đề hòa bình của dân tộc” đã gây xôn xao bàn tán, ít nhất trong giới Công giáo. Tất nhiên, Tuyên bố này ở thời điểm tung ra đã bị phản ứng chống đối mạnh mẽ của những người Công giáo khác tại miền Nam đang theo đuổi lập trường chống Cộng (lúc đó nhóm này còn gọi là những người Công giáo tranh đấu). Việc đề cập đến khái niệm hòa bình ở thời điểm 1965-1966 khi mà phía Mỹ cũng như chính quyền miền Nam đang gia tăng các hoạt động quân sự, ném bom phá hoại miền Bắc, đẩy cao chiến tranh quả thực là một sự đi ngược với động cơ chính trị của chính quyền miền Nam. Riêng nhóm phản đối của Linh mục Hoàng Quỳnh đã cho rằng đó là một sự hòa bình giả tạo, là biểu hiện thân Cộng sản, nguy hại và linh mục này đã tổ chức cả hàng chục nghìn người Công giáo chống những người Công giáo miền Nam có chủ trương hòa bình. Có thể nói hòa bình là một khái niệm chính trị rất xa xỉ và thậm chí cấm kỵ hầu như không được đề cập ở miền Nam thời điểm 1965-1966. Dù vậy nhóm trí thức Công giáo cấp tiến đã mạnh dạn đề cập, vì họ theo sát các quan điểm của huấn quyền. Hơn nữa theo họ, chiến tranh không phải là một giải pháp để ngăn chặn Cộng sản mà chỉ làm cho xã hội thêm rối ren, tiêu cực [Nguyễn Nghị, 1997: 71-72].

Trước khi nền Đệ nhị Cộng hòa thành lập, qua sự kiện công bố Hiến pháp vào tháng 4/1967, những hoạt động chính trị của những người trí thức Công giáo cấp tiến miền Nam chủ yếu ở phương diện bày tỏ quan điểm lập trường. Kể từ sau năm 1967, xuất hiện những chuyển biến mới trong hoạt động của những người Công giáo cấp tiến. Ngoài việc duy trì các diễn đàn chính trị qua một loạt các tờ báo được



thành lập, đã có những hoạt động dẫn thân trực tiếp của họ vào những phong trào đấu tranh của người Công giáo theo xu hướng hòa bình, hòa giải, tìm về dân tộc.

Vào lúc 21h15 ngày 24/12/1968, tại Trung tâm Phục sinh thuộc dòng Đa Minh tại số 299 đường Hiền Vương, Sài Gòn đã diễn ra một cuộc biểu tình của sinh viên Công giáo. Mục đích của cuộc biểu tình này là cổ vũ cho phong trào đòi hòa bình cho Việt Nam. Theo thông tin của cảnh sát Sài Gòn thì nhóm biểu tình này tranh thủ vào đêm Noel 1968 để biến cuộc lễ thành cuộc biểu tình tuần hành đêm Giáng sinh qua các đường Hiền Vương, Nguyễn Thông, Kỳ Đồng. Cuộc biểu tình này có khoảng hai trăm người, ngoài đại đa số sinh viên còn có một số tu sĩ và giáo sư đại học. Hai người chủ trương cho cuộc biểu tình phản ứng với chính quyền, đòi hòa bình này là giáo sư Châu Tâm Luân và Linh mục Nguyễn Ngọc Lan. Các khẩu hiệu của cuộc biểu tình này là: “Chúng tôi chống đã tâm duy trì chiến tranh; chúng tôi muốn hòa bình; hãy thực tâm văn hồi hòa bình; Mỹ thực tâm văn hồi hòa bình; yêu cầu các phe phái thực tâm văn hồi hòa bình cho dân tộc...” [TTLTQG II, HS: 31056].

Hội nghị đàm phán giữa các bên tham chiến tại Việt Nam tại Paris về việc thiết lập một nền hòa bình tại Việt Nam được tổ chức từ năm 1968, nhưng kết quả cho tới năm 1970 vẫn chưa đem đến một triển vọng nào cho vấn đề này. Trong bối cảnh như vậy, những người Công giáo cấp tiến chủ trương hòa bình đã tập hợp trong một phong trào chung, gọi là “Phong trào Công giáo Xây dựng Hòa bình”. Trong lời kêu gọi vận động của Ủy ban vận động thành lập đề ngày 24/11/1970, cho thấy Phong trào Công giáo Xây dựng Hòa bình có mục đích “kết hợp tất cả những người Công giáo Việt Nam có thiện chí đóng góp tích cực vào việc mưu cầu, xây dựng và bảo đảm hòa bình cho dân tộc”. Dưới bức thư của Phong trào Công giáo xây dựng hòa bình gửi Giáo hoàng Phaolô VI đề ngày 05/11/1970, có bốn mươi bốn chữ ký, gồm ba mươi tư giáo dân và mười linh mục.

Sáng ngày 01/10/1971, hai linh mục Mỹ lên Tòa Khâm sứ để xin chuyển *Thỉnh nguyện thư* của mười hai linh mục trong nhóm trí thức Công giáo cấp tiến gửi Hội đồng Giám mục miền Nam Việt Nam. Nội

dung *Thỉnh nguyện thư* đề xuất ý kiến mong Hội đồng Giám mục lên án sự can thiệp của Mỹ và lên án chủ trương kéo dài chiến tranh ở Việt Nam. Ngoài ra *Thỉnh nguyện thư* cũng muốn xác nhận là Thư chung chống Cộng năm 1951 còn giá trị trong giai đoạn hiện tại nữa hay không. Trong số mười hai linh mục ký tên có hai linh mục Mỹ là Harry Bury, Robert Willis cùng mười linh mục Việt Nam, gồm: Thiện Cẩm, Trương Bá cần, Bùi Thông Giao, Vũ Xuân Hiều, Nguyễn Ngọc Lan, Trần Thế Luân, Huỳnh Công Minh, Nguyễn Nghị, Chân Tín, Phan Khắc Từ.

### **Đấu tranh cho vấn đề dân chủ, dân sinh tại miền Nam**

Phong trào Công giáo xây dựng hòa bình tại miền Nam không chỉ bằng khẩu hiệu mà có những hành động dân thân đáng kể vào đời sống chính trị miền Nam vào những năm 1971. Tiêu biểu phải kể đến vụ việc phản đối việc đi bầu cử tổng thống vào tháng 10/1971, một hoạt động đòi dân chủ mạnh mẽ của nhóm trí thức Công giáo cấp tiến. Lý do phản đối bầu cử của những người Công giáo cấp tiến là: trước bầu cử, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã sửa luật bầu cử theo hướng có lợi cho phe của ông và ông trở thành ứng cử duy nhất cho vị trí tổng thống miền Nam. Thực tế này nhiều người biết nhưng không phải ai cũng lên tiếng về chiêu bài chính trị không dân chủ kể trên. Những người Công giáo xây dựng hòa bình đã căn cứ trên lương tâm Công giáo để phản ứng về chuyện này. Họ đã soạn một dự thảo để thông báo quan điểm của nhóm về việc này. Trước khi bản “*Nhận định của một số tín hữu Công giáo Việt Nam về vấn đề bầu cử trong Thông cáo 30/7/1971 của Hội đồng Giám mục Việt Nam*” được công bố sáng ngày 24/8/1971, một phái đoàn gồm các nhân vật trong nhóm Công giáo cấp tiến là các linh mục Thiện Cẩm, Trương Bá Cần, Nguyễn Nghị, Phan Khắc Từ và các ông Châu Tâm Luân, Ngô Văn An, Nguyễn Văn Trung, Trần Ngọc Báu, Phạm Trọng Cầu, Nguyễn Việt Tuân tới gặp Tổng Giám mục Sài Gòn Phaolô Nguyễn Văn Bình để trao cho Ngài bản dự thảo nhận định nói trên. Đến ngày 20/9/1971, phái đoàn của Phong trào Công giáo xây dựng hòa bình đã công bố một văn bản trong đó nói rằng: “Đức Tổng Giám mục đã khẳng định các điểm sau đây và đồng ý cho công bố trên báo chí: Giáo hội Công

giáo bao giờ cũng chủ trương các cuộc bầu cử phải tự do, trong sạch và dân chủ. Đối với các cuộc bầu cử hội đủ những điều kiện trên, Giáo hội khuyến khích mọi tín hữu đừng đứng ngoài cuộc để kết quả thể hiện được ý nguyện của toàn dân. Khi nhận thấy có gian lận và thiếu dân chủ thì bổn phận của tín hữu là phải chống đối để làm cho cuộc bầu cử được trung thực. Nếu đã làm hết sức mà vẫn không có bầu cử trung thực thì người tín hữu cũng như mọi công dân phải tích cực hành động theo lương tâm” [Trương Bá Cần, 2008: 65-66]. Không dừng ở thông cáo báo chí, nhóm trí thức Công giáo cấp tiến còn tổ chức một hành động mạnh mẽ hơn để phản đối ngay trước thềm bầu cử tổng thống Cộng hòa miền Nam năm 1971.

Không chỉ phản ứng với chính quyền miền Nam về việc bầu cử thiếu dân chủ, một số linh mục Công giáo cấp tiến làm tuyên úy trong phong trào Thanh Lao Công đã can dự trực tiếp để bảo vệ quyền lợi của những công nhân lao động tại Sài Gòn. Điển hình phải kể đến vụ việc tham gia vào đấu tranh chống sa thải công nhân của hãng Pin Con Ó.

Hãng Pin Con Ó là một xí nghiệp chuyên sản xuất pin gia dụng, có sáu trăm năm mươi công nhân, phần lớn là nữ. Từ 22/8/1971, bốn trăm hai mươi công nhân đã ký tên vào yêu sách đòi tăng lương và một số quyền lợi khác. Ban giám đốc chẳng những không đáp ứng các yêu sách của công nhân, mà còn sa thải mười sáu công nhân đều là cán bộ nghiệp đoàn. Cuộc tranh chấp giữa công nhân và chủ hãng càng ngày càng căng thẳng, mặc dầu Sở Lao động đô thành Sài Gòn đã khuyến cáo với chủ hãng là phải đáp ứng yêu sách của công nhân. Tuy nhiên cảnh sát quận 6, Sài Gòn đã can thiệp, đánh đập tàn bạo một số công nhân đòi tăng lương và tạo điều kiện cho những công nhân thân thiết với chủ hãng vào xưởng làm việc. Từ 26/10 đến 08/11/1971, linh mục tuyên úy và lực lượng cốt cán của tổ chức Thanh Lao Công đã tới quan sát vụ việc và yểm trợ cuộc đình công của công nhân. Ba linh mục tuyên úy là Phan Khắc Từ, Trương Bá Cần và Trần Thế Luân vì can thiệp bên vực công nhân hãng Pin Con Ó nên cũng bị bắt giải về Nha Cảnh sát Sài Gòn. Bản thân Linh mục Phan Khắc Từ trước đó cũng bị Tổng Giám mục nhắc nhở riêng về việc tham dự sâu vào phong trào đấu tranh của công nhân hãng Pin.

Ba linh mục được thả vào ngày 16/11/1971 [Đối Diện, 1971: 113-133]. Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình đã rất lo lắng, và đưa họ về Tòa Giám mục hỏi thăm. Cuối năm 1971, trong khi những linh mục tuyên úy được tự do thì một số công nhân vẫn bị giam giữ. Để đấu tranh cho công nhân, những linh mục đã mang theo băng rôn khẩu hiệu, tuyệt thực ở trước Tòa Giám mục Sài Gòn để mong muốn xin Tổng Giám mục tổ chức ngày cầu nguyện chung cho hòa bình và có sự tham dự của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, người đang chủ trương đàn áp công nhân và bắt bớ sinh viên biểu tình và bản thân ông cũng là một tín đồ Công giáo.

Một dân thân khác phải kể đến trong thời kỳ này của nhóm trí thức Công giáo cấp tiến là họ tham gia đấu tranh chống đàn áp tra tấn, giam giữ sinh viên.

Ngày 13/3/1970, sinh viên Huỳnh Tân Mẫn, quyền chủ tịch Tổng hội sinh viên Sài Gòn bị bắt giam. Sinh viên các phân khoa của nhiều trường đại học tại miền Nam đã hội họp, ra thông cáo phản đối, bãi khóa thành lập Ủy ban chống đàn áp sinh viên... Hai trí thức Công giáo lên tiếng đầu tiên chống đối việc bắt bớ sinh viên là giáo sư Lý Chánh Trung, ông bày tỏ quan điểm trên báo *Tin Sáng* ngày 18/3/1970 và Linh mục Nguyễn Ngọc Lan bày tỏ trong một bức thư gửi sinh viên y khoa Huỳnh Tấn Mẫn cũng trên *Tin Sáng* ra ngày 20/3/1970. Từ ngày 25 đến 29/3/1970, Ban Chấp hành Đoàn sinh viên Công giáo ngành Luật, Đoàn Sinh viên Công giáo Sư phạm cũng như Văn phòng Thanh Lao Công Việt Nam đều ra tuyên bố phản đối việc đàn áp sinh viên và đòi chính quyền trả tự do cho các sinh viên bị bắt. Đến sáng ngày 30/3/1970 một nhóm sinh viên tuyệt thực trước Văn phòng Hạ viện, trong đó có hai sinh viên Công giáo là Vũ Sĩ Hùng và Đoàn Khắc Xuyên. Ngày 31/3/1970, tám linh mục Công giáo lên tiếng phản đối việc tra tấn sinh viên, vì họ “xác nhận là có sinh viên bị giam giữ đã bị tra tấn dữ dội và bị cư xử trái với Hiến pháp hiện hành”. Trong số tám linh mục ký tên có hai linh mục dòng Đa Minh (Nguyễn Huy Lịch và Thiện Cẩm), năm linh mục dòng Chúa Cứu Thế (Chân Tín, Đinh Khắc Tiệu, Nguyễn Nghị, Nguyễn Văn Phán, Nguyễn Ngọc Lan) và một linh mục triều (Trương Bá Càn). Ngày 11/4/1970, bảy

mười sinh viên Công giáo, trong một thỉnh nguyện thư gửi Hàng giáo phẩm Việt Nam, xin lên tiếng chống việc tra tấn sinh viên [Trương Bá Cần, 2008: 81]. Những sinh viên theo nhóm “Công giáo tranh đấu” được mời ký tên vào thư thỉnh nguyện này, nhưng họ đã từ chối. Nhưng dấu sao, thỉnh nguyện thư này là dấu hiệu của sự chuyển biến tốt trong giới sinh viên Công giáo về việc đấu tranh chống đàn áp, bắt bớ của chính quyền Sài Gòn. Các Giám mục Việt Nam không có động thái nào đáp ứng thỉnh nguyện thư của bảy mươi sinh viên Công giáo nói trên, nhưng sự tham gia của người Công giáo vào các phong trào đòi dân chủ và dân sinh vẫn tiếp tục và ngày càng quyết liệt.

Thời kỳ này, các trí thức Công giáo cấp tiến bằng những hình thức khác nhau đã cho ra một loạt các tờ báo, tạp chí mà ở đó đăng tải những quan điểm của họ. Chẳng hạn, tờ tạp chí *Đổi Diện* ra mắt số đầu tháng 7/1969, ngay bản thân tên của tạp chí đã phản ánh một lập trường chính trị của những người chủ trương theo tinh thần đối thoại của Công đồng Vatican II. *Đổi Diện* là diễn đàn và là “nơi gặp gỡ của tất cả người Việt, bất phân tôn giáo, giai cấp, già trẻ, có tín ngưỡng hay vô tín ngưỡng, những người tha thiết với quê hương đất nước, tha thiết với tiến bộ nhân loại, tha thiết với sự phát triển toàn diện con người, tha thiết với vấn đề của tuổi trẻ hôm nay, của nền văn minh cơ giới...” [Đổi Diện, 1969: 1-2]. Từ số 10 trở đi, tờ *Đổi Diện* phản ánh một cách trực tiếp cuộc đấu tranh của sinh viên miền Nam với chính quyền miền Nam”. Ngoài ra *Đổi Diện* còn phản ánh những tinh thần mới của Giáo hội, những thời sự tin tức của miền Nam, trình bày nhận định về các bên tham chiến. Các chủ đề tìm về dân tộc, hòa bình, hòa giải được đề cập trong nhiều bài viết trên *Đổi Diện*. Đặc biệt tạp chí đã in bài của Linh mục Trương Bá Cần là “25 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc” ba kỳ từ số 14 đến số 16. Bài báo đã tạo ra một làn sóng dư luận thời kỳ đó. Sau bài báo này, Linh mục Trương Bà Cần (tác giả) và Chân Tín (đại diện tờ *Đổi Diện*) bị khởi tố ra tòa vì cho rằng đã in về nội dung liên quan đến chế độ Cộng sản ở miền Bắc. Trong hồ sơ báo chí miền Nam trước 1975, *Đổi Diện* là tờ báo bị tịch thu và đình chỉ nhiều nhất. Vào tháng 8/1973, nhà in Xây Dựng chuyên in các ấn phẩm báo chí Công giáo, như: *Thánh Tâm Chúa*

*Giêsu, Tinh Thần, Hiệp Sống, Liên Lạc* cũng phải đóng cửa, vì cảnh sát tìm thấy mấy số tạp chí *Đổi Diện* ở đây. Người quản lý điều hành là người Công giáo nhiệt thành với chế độ cũng bị bắt giữ [TTLTQG II, HS: 4562]. Sau này *Đổi Diện* cũng phải đổi tên thành *Đông Dao* để tránh sự kiểm soát báo chí của chính quyền miền Nam. Đọc lại các bài trên báo *Đổi Diện* thời kỳ này, người ta thấy có nhiều nội dung đề cập các bên tham chiến ngừng bắn để thương thuyết tìm kiếm hòa bình cho miền Nam, hoặc những bài báo đả phá chế độ Cộng hòa miền Nam của một số linh mục giáo dân cấp tiến... Thời kỳ này ngoài tờ *Đổi Diện* còn có tờ *Chọn, Trình Bày, Tin Sáng*... đều là những tờ báo thể hiện nhiều quan điểm mới của người trí thức Công giáo miền Nam trước thời cuộc. Sự dần thân chính trị qua việc bày tỏ quan điểm trong các bài viết của nhóm cấp tiến trên báo chí thời kỳ này chính là vì “họ muốn thể hiện lời Chúa dạy là đem công bình bác ái cho mọi người mọi phe phái” [TTLTQG II, HS: 3533]. Ngày 22/4/1975, trước khi chính quyền Cộng hòa miền Nam sụp đổ, người ta thấy trong “thành phần chính trị thứ ba” ở miền Nam phổ biến một *Tuyên cáo*. Trong đó yêu cầu toàn bộ chính quyền miền Nam phải được thay thế tức khắc, cần phải lập một chính quyền mới mà không lệ thuộc vào Mỹ với âm mưu Việt hóa chiến tranh. Chính quyền mới này phải trục xuất toàn bộ nhân viên và cố vấn quân sự Mỹ ra khỏi miền Nam, trả tự do cho tù chính trị, bãi bỏ Luật Tổng động viên, bảo đảm các quyền tự do dân chủ của người dân. Dưới tuyên cáo này có ghi mười ba đoàn thể thiên tả và mười bốn cá nhân thiên tả. Trong đó ngoài một số nhân vật là người Cộng sản như luật sư Trần Ngọc Liễng, Ngô Bá Thành người ta còn thấy cả những linh mục Công giáo là: Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Phan Khắc Từ, Trương Bá Cần các dân biểu người Công giáo là Lý Quý Chung, Hồ Ngọc Nhuận... [TTLTQG II, HS: 5031].

### **Nhận xét**

1. Nhóm trí thức Công giáo cấp tiến chỉ là thiểu số trong lòng Giáo hội Công giáo miền Nam. Những hoạt động chính trị của họ tuy có tiếng vang nhưng không thể gây một sự chuyển biến căn bản trong thực tại Giáo hội miền Nam khi đó. Tuy nhiên, lập trường và quan điểm của họ có vai trò đánh động nhất định tới Hàng giáo phẩm Công

giáo miền Nam về việc tìm kiếm những chỉ dẫn cần thiết cho vấn đề hòa bình, và định hướng cộng đồng giáo dân miền Nam. Nhóm trí thức Công giáo cấp tiến tại miền Nam hoạt động sau Công đồng Vatican II đã chú ý tới một sự áp dụng những quan điểm mới của Giáo hội vào thực tại miền Nam, nhất là những quan điểm về hòa bình và đặc biệt là tư tưởng xây dựng một khuôn mặt của Giáo hội luôn đứng về phía những người nghèo, những người yếu thế như sinh viên, công nhân lao động. Các hành động dấn thân của một số trí thức Công giáo thời kỳ này đã dựa trên các phương pháp hành động của phong trào Thanh Lao Công và sử dụng sức mạnh của báo chí để tác động vào thực tại xã hội và giáo hội miền Nam, với những mong muốn cải thiện tích cực hơn sau những hiện trạng chính trị và Giáo hội được họ cho là trì trệ, yếu kém, chậm đổi mới.

2. Điểm chung có thể thấy trong tư duy và hành động của người trí thức Công giáo cấp tiến là họ đề cao khái niệm dân tộc và hòa bình. Khi đề cập tới khái niệm này người ta có thể thấy ngoài khái niệm Thiên Chúa có tính chất phổ quát, bao trùm thì rõ ràng tính dân tộc, tinh thần dân tộc là điều không thể chối bỏ được với người Việt Nam Công giáo. Khi chiến tranh leo thang, sự xâm lăng của chủ nghĩa thực dân Mỹ ở miền Nam đã làm cho những trí thức Công giáo thấy đã đến lúc phải đòi hỏi sự độc lập cho dân tộc. Sự độc lập đó muốn có được phải kết thúc chiến tranh và tiến tới một sự hòa bình và hòa giải dân tộc.

3. Ở khía cạnh hành động, các trí thức Công giáo cấp tiến cho rằng việc trở về với dân tộc phải được triển khai bằng một tinh thần mới của Tin Mừng, áp dụng vào trong bối cảnh thực tại của Việt Nam. Từ nhận thức này, người ta có thể thấy sự hòa mình với những người nghèo khổ, và dấn thân vào cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam của một số linh mục trí thức Công giáo cấp tiến. Tinh thần này không phải họ tự sáng tạo ra và sai lạc với tín lý Công giáo, mà là một dạng thần học bối cảnh, áp dụng tinh thần của Phúc Âm và những giáo huấn mới từ Công đồng Vatican II vào xã hội miền Nam. Những người trí thức Công giáo cấp tiến không chỉ tiên phong trong áp dụng giáo huấn mà cũng đi đầu trong các cuộc đối thoại, với chính những người Công giáo khác quan điểm, với Hàng giáo phẩm và đôi khi cả những gặp gỡ

tiếp xúc với những người Cộng sản. Từ đối thoại đã dẫn đến sự thấu hiểu nhau và là cơ sở để hòa giải Công giáo với Cộng sản sau ngày 30/4/1975.

4. Những người trí thức Công giáo cấp tiến đã phải vượt qua những quan điểm trái chiều của đa số những người Công giáo đồng đạo và Hàng giáo phẩm để có thực hiện một biểu hiện mới của gương mặt Giáo hội Công giáo trong lòng Giáo hội miền Nam, bởi không phải mọi tiếng nói canh tân, cải cách đều được giáo hội và xã hội lúc đó ủng hộ. Bản thân họ đã gặp rất nhiều dị nghị và trở ngại trong suy nghĩ và hành động của mình. Tuy nhiên những hành động của nhóm trí thức Công giáo cấp tiến căn bản dựa trên nền tảng Phúc Âm và lương tâm Công giáo, nên họ luôn vững tin về mặt luân lý và tín lý mà không sợ có sự sai lạc với Giáo hội./.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Linh mục Trương Bá Cần (2008), *50 năm nhìn lại 28.6.1958 - 28.6.2008*. Tài liệu in nội bộ. Tp. Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Nghị (1997), *Công giáo Sài Gòn giai đoạn 1954-1975*. Tài liệu chưa xuất bản.
3. Tạp chí *Đối Diện* (1969), số 1.
4. Tạp chí *Đối Diện* (1971), số 30.
5. Đoàn Thêm (1965), *Việc từng ngày*, Nhật ký, Xuân Thu xuất bản. Sài Gòn.
6. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II: *Công văn mật của Đại tá Trần Văn Hai, Tổng giám đốc cảnh sát Quốc gia gửi Đại tướng, Tổng trưởng Nội vụ Sài Gòn về biện pháp đối phó với linh mục Nguyễn Ngọc Lan và giáo sư Châu Tâm Luân*. Ngày 30/12/1968. Hồ sơ số 31056, phong Phủ Thủ tướng.
7. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II: *Báo cáo mật của Tổng giám đốc cảnh sát quốc gia ngày 08/11/1968 gửi Tổng trưởng Nội vụ Sài Gòn về lập trường chính trị của khối Công giáo Việt Nam trong giai đoạn hiện tại*. Hồ sơ số 4134, phong Đệ nhị Cộng Hòa.
8. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II: *Phỏng vấn chủ tịch Phong trào Trí thức Công giáo Pax Romana về: Các hoạt động chính trị của một số linh mục cấp tiến ở Việt Nam*. Tài liệu số 3533.
9. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II: *Thư của Tổng Giám mục Sài Gòn gửi Tổng thống Việt Nam Cộng hòa ngày 27/9/1973*. Hồ sơ số 4562, Phong Đệ Nhị Cộng hòa.
10. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II: *Phiếu trình Tổng thống của Phủ đặc ủy tình báo Trung ương về Hoạt động chánh trị ghi nhận được trong ngày thứ ba 22/4/1975*. Phong Sưu tập Tài liệu ảnh, Hồ sơ số 5031.



**Abstract****POLITICAL ACTIVITIES OF RADICAL CATHOLIC  
INTELLECTUALS IN THE SOUTH VIETNAM BEFORE 1975****Ngo Quoc Dong***Institute for Religious Studies, VASS*

This article examines the political activities of a group of Catholic intellectuals in South Vietnam who were called by different names at that time such as “radical”, “leftist”, and “pro-Communist”. In general, the way of calling depends on the caller’s sympathy with the group. Whatever the name, the activities of these people have made an impact on the Church and the government of the Republic of Vietnam. These Catholics searched for a peaceful solution towards an end to the war in Vietnam. It is noteworthy that the political trend of this group did not come from the positions of the Southern political parties, it was based on the renewal spirit of the Second Vatican Council. Despite being a minority in the Church, those activities opened the premise for the Catholic Church in Vietnam to renew, reconcile, and accompany the nation after the events of April 30, 1975. On the basis of archives, memoirs, and the approach to the History of Religion, the article indicates details about the motivations as well as the obstacles that the Catholic group faced after the 1963 coup d’etat and especially in the period of the Second Republic from 1967-1975.

**Keywords:** Catholicism; politics; South; Vietnam; 1967-1975.